

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẠCH THÔNG
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 14/2018/QĐST-HNGĐ

Bạch Thông, ngày 10 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2018/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1986.

Trú tại: Tổ 8, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 và anh Trần Văn D, sinh năm 1983.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn D thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn D thỏa thuận giao con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 15/8/2011 (*Con khỏe mạnh, phát triển bình thường*) cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 (*Mười tám*) tuổi (Phù hợp với nguyện vọng của con).

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu anh Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.4. *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. *Về án phí*: Áp dụng Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Th đã nộp theo biên lai số 08831, quyền số 177, ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Chị Th được hoàn trả lại số tiền án phí là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh D không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Bạch Thông (01b);
- Chi cục THADS huyện Bạch Thông (01b);
- Đường sự (02b);
- UBND phường S (01b);
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đàm Thị Minh Hương

